TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2018/HSST
Ngày: 17/10/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Việt Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Thành;

2. Bà Đỗ Thị Thúy Nga.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 129/2018/HSST ngày 20 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 730/2018/HSST-QĐXX ngày 01 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Thành T, sinh năm: 1995, tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã B, huyện C, tỉnh Đ; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Thanh N (chết) và bà Nguyễn Thị A; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 07/8/2013, phạm tội "Cướp giật tài sản"; đến ngày 15/01/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 1 xử phạt 02 năm 6 tháng tù; chấp hành xong hình phạt tù đến ngày 20/01/2016 tha về; Ngày 31/7/2016, phạm tội "Trộm cắp tài sản"; đến ngày 17/4/2017, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 6 tháng tù; chấp hành xong hình phạt tù đến ngày 01/02/2018 tha về; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt giam từ ngày 09/7/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Ông Phan Hữu S, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: 395/22/14 đường K, phường Đ, Quận X, Thành phố H;

2. Ông Phan Thành B, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: 395/22/14 đường N, phường Đ, Quận Y, Thành phố H;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: 173 đường T, khối 3B, thị trấn E, huyện E, tỉnh L.

2. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

Người làm chứng:

1. Ông Ứng Việt D, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: 73 đường Y, Phường C, Quận Z, Thành phố H.

2. Ông Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: 73 đường Y, Phường C, Quận Z, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ 45 phút ngày 09/7/2018, Phạm Thành T điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 66F1-199.53 đi tìm người sơ hở trộm cắp tài sản. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, khi điều khiển xe ngang qua số 63 Cống Quỳnh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 thì T phát hiện có 01 xe ôtô bảy chỗ đậu dưới lòng đường, cửa xe mở ra, bên trong có người nằm ngủ nên T dừng xe, để chiếc xe gắn máy phía trước cách xe ôtô khoảng 03 mét rồi đi bộ về phía xe ôtô. Lúc này, trên ghế tài xế xe ôtô có anh Phan Hữu S, ghế phụ có anh Phan Thành B đang nằm ngủ, ở băng ghế sau có anh Nguyễn Duy H đang nằm ngủ; T thấy tay trái anh S cầm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus để trên bụng và 01 bóp màu đen trên capo xe ôtô nên T dùng tay phải nâng tay trái anh S lên, dùng tay trái lấy trộm 01 điện thoại di động (của anh S) và 01 bóp màu đen (của anh B) rồi bỏ vào túi quần phía trước bên trái của T rồi điều khiển xe bỏ chạy. Khi T điều khiển xe đến trước nhà số 119-121 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, các anh Ứng Việt D và Nguyễn Hoàng E (Đội Cảnh sát Hình sự Công an Quận 1) phát hiện T có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra, phát hiện 01 điện thoại di động và 01 bóp màu đen bên trong có 1.700.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Phan Thành B (T khai là tài sản vừa trộm được ở đường Cống Quỳnh, Quận 1) nên các anh D và E đưa T cùng vật chứng về Công an Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 lập hồ sơ vụ việc rồi chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1. Sau đó, T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp để điều tra.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1, Phạm Thành T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và khai chỉ trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus và 01 bóp màu đen. Còn anh Phan Hữu S khai bị mất 01 bóp màu đen để cạnh ghế tài xế, 2.200.000 đồng ở túi quần sau; anh Phan Thành B khai bị mất 01 điện thoại di động hiệu Samsung S8 Plus và anh Nguyễn Duy H khai bị mất 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus để trong túi quần bên trái. Qua điều tra, ngoài lời khai của anh S, anh B, anh H không có

tài liệu, chứng cứ chứng minh T lấy trộm số tài sản trên nên không có cơ sở xử lý.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu xám của anh Phan Hữu S đã thu hồi, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 tạm giữ; Theo giám định của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh số 162/KL-HĐĐGTS ngày 21/7/2018, giá trị 6.166.333 đồng.

- 01 bóp trị giá 100.000 đồng bên trong có 1.700.000 đồng và chứng minh nhân dân mang tên Phan Thành B đã thu hồi và trả lại cho anh B, anh B không còn yêu cầu gì.

Ngoài ra, còn thu giữ của Phạm Thành T:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen;

- 01 bóp màu đen bên trong có 1.900.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thành T;

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số 66F1-199.53 và giấy đăng ký xe biển số 66F1-199.53; qua xác minh xe do bà Nguyễn Thị A (mẹ của T) đứng tên chủ sở hữu; bà A giao xe gắn máy trên cho T để đi làm và không biết việc T sử dụng xe máy để đi trộm cắp tài sản. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe và giấy phép đăng ký xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số 66F1-199.53 cho bà A là phù hợp pháp luật.

Các tài sản trên hiện do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 tạm giữ.

Bản cáo trạng số: 135/CT-VKSQ1 ngày 20/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Phạm Thành T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu xám của anh Phan Hữu S đã thu hồi, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 tạm giữ; xét là tài sản hợp pháp của anh S nên trả lại cho bị hại;

- 01 bóp bên trong có 1.700.000 đồng và chứng minh nhân dân mang tên Phan Thành B đã thu hồi và trả lại cho anh B, anh B không còn yêu cầu gì;

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số 66F1-199.53 và giấy đăng ký xe biển số 66F1-199.53; qua xác minh xe do bà Nguyễn Thị A (mẹ của T) đứng tên chủ sở hữu; bà A giao xe gắn máy trên cho Tài để đi làm và không biết việc T sử dụng xe máy để đi trộm cắp tài sản. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe và giấy phép đăng ký xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số 66F1-199.53 cho bà A là phù hợp pháp luật. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị A không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Thu giữ của Phạm Thành T:

01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; 01 bóp màu đen bên trong có 1.900.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thành T; Xét không liên quan đến tội phạm nên trả cho bị cáo nhưng cần giữ số tiền 1.900.000 đồng để bảo đảm thi hành án.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Thành T đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ để kết luận, bị cáo Phạm Thành T đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở, lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus ông S trị giá 6.166.333 đồng và chiếc bóp trị giá 100.000.000 đồng trong có 1.700.000 đồng của ông B, tổng giá trị bị chiếm đoạt là 7.966.333 đồng. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Thành T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất tình hình trật tự trị an tại địa phương, trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 7.966.333 đồng, bị cáo có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện phạm tội thể hiện thái độ xem thường pháp luật, đồng

thời thuộc trường hợp định khung là tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần phải có mức án nghiêm minh mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo thành người lương thiện có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại về tài sản và tại cơ quan điều tra, phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu xám, số IMEI: 353285073280752 của anh Phan Hữu S đã thu hồi, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 tạm giữ; xét là tài sản hợp pháp của anh S nên trả lại cho bị hại;

- 01 bóp bên trong có 1.700.000 đồng và chứng minh nhân dân mang tên Phan Thành B đã thu hồi và trả lại cho anh B, anh B không còn yêu cầu gì;

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số 66F1-199.53 và giấy đăng ký xe biển số 66F1-199.53, số khung: DY002195; số máy: 12E-5001308; qua xác minh xe do bà Nguyễn Thị A (mẹ của T) đứng tên chủ sở hữu; bà A giao xe gắn máy trên cho T để đi làm và không biết việc T sử dụng xe máy để đi trộm cắp tài sản. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe và giấy phép đăng ký xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số 66F1-199.53 cho bà A xét là phù hợp pháp luật.

Thu giữ của bị cáo:

01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; 01 bóp màu đen bên trong có 1.900.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thành T; Xét không liên quan đến tội phạm nên trả cho bị cáo nhưng cần giữ chiếc điện thoại và số tiền 1.900.000 đồng để bảo đảm thi hành án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố Phạm Thành T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Phạm Thành T 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2018.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại cho anh Phan Hữu S 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu xám, số Imei: 353285073280752 (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 203/LNK-CAQ1-ĐTTH ngày 17/7/2018 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lại cho bị cáo Phạm Thành T 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei 1: 358621065390800, số Imei 2: 358621065390818; 01 bóp màu đen bên trong có 1.900.000 đồng (theo phiếu nhập kho đồ vật chứng số 204/PNK-DVTL ngày 25/7/2018); 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thành T nhưng trước mắt cần giữ số tiền 1.900.000 đồng lại để bảo đảm thi hành án.

Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Thành T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự; trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Công an Quận 1, TP.HCM;

- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp TP. HCM
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Việt Trung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Quý **Nguyễn Thị Mỹ Lệ** **Huỳnh Ngọc Tuân**